

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ SÔNG CẦU  
TỈNH PHÚ YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 21/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 03 – 7 – 2024.

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ SÔNG CẦU, TỈNH PHÚ YÊN**

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Ngọc Hà.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Nguyễn Văn Hiến.
- Ông Nguyễn Ngọc Chấn.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Bảo Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu tham gia phiên tòa:** Ông Trương Đức Cảnh - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 7 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 61/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Đinh Thị Ngọc B, sinh năm 1986.

- **Bị đơn:** Anh Trần L, sinh năm 1986.

Cùng nơi cư trú: thôn H, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên.

Các đương sự đều vắng mặt, có yêu cầu xin xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\*Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/4/2024 và các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Đinh Thị Ngọc B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị B và anh L tự nguyện tìm hiểu, yêu thương và đăng ký kết hôn tại UBND xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên vào ngày 24/01/2013.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng 1 đến 2 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng làm ăn (nuôi tôm) bị thua lỗ, anh L thường xuyên nhậu nhẹt, không lo làm ăn, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, anh L bỏ đi nơi khác để trốn nợ, chị B nhiều lần đi tìm nhưng vợ chồng không đoàn tụ được, vợ chồng chị B đã không còn sống chung cách đây 04 năm, trong thời gian qua chị B và anh L không còn yêu thương hay quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không còn liên lạc với nhau, nay chị B không còn tình cảm với anh L, không thể quay lại để tiếp tục sống chung với anh L nên chị B yêu cầu ly hôn với anh L.

Về con chung: chị B xác định không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: chị B không yêu cầu Toà án giải quyết.

*\*Tại bản trình bày và đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 24/6/2024, bị đơn anh Trần L trình bày như sau:*

Về quan hệ hôn nhân: anh L và chị B tự nguyện tìm hiểu, yêu thương và kết hôn với nhau tại UBND xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên vào ngày 24/01/2013.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng sống chung với nhau nhưng không có con chung nên tình cảm vợ chồng ngày càng bị phai nhạt, anh L bị bệnh phải điều trị nhưng chị B không quan tâm, chăm sóc nên vợ chồng có cãi nhau, anh L và chị B không còn sống chung cách đây 02 đến 03 năm, trong thời gian không sống chung anh L và chị B không còn quan tâm, liên lạc gì với nhau. Hiện nay anh L cũng không còn tình cảm với chị B, không thể quay lại để tiếp tục sống chung với chị B nên anh L đồng ý ly hôn với chị B.

Về con chung: anh L xác định không có con chung.

Về tài sản và nợ chung: anh L không yêu cầu Toà án giải quyết.

Toà án tiến hành hoà giải nhưng không được.

#### **Tại phiên toà:**

Các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đều thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự có yêu cầu xét xử vắng mặt; đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị B đối với anh L. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: không xem xét. Về án phí: nguyên đơn phải chịu án phí HNGĐ sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: chị B yêu cầu ly hôn đối với anh L. Bị đơn anh Trần L có nơi cư trú tại thôn H, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.

Các đương sự đều có yêu cầu Toà án xét xử vắng mặt (BL35+ 41). HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: chị B và anh L thống nhất tự nguyện kết hôn và được UBND xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên cấp giấy chứng nhận kết hôn số 02, quyển số 01/2013, ngày 24/01/2013 (BL 04), đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án, chị B và anh L thống nhất xác định: sau khi kết hôn, chị B và anh L chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi nhau và không còn sống chung với nhau cách đây 03 đến 04 năm, trong thời gian qua anh L và chị B không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau và không liên lạc với nhau.

HĐXX xét thấy mâu thuẫn giữa chị B và anh L đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị B yêu cầu ly hôn và anh L đồng ý ly hôn nên HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị B đối với anh L.

[2.2] Về con chung: chị B và anh L thống nhất không có con chung nên HĐXX không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: chị B và anh L thống nhất không yêu cầu nên HĐXX không giải quyết.

[3] Về án phí: chị B phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, 35, 39, 147 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Đinh Thị Ngọc B.

1. Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đinh Thị Ngọc B đối với anh Trần Lành .

2. Về tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết.

3. Về án phí: Chị Đinh Thị Ngọc B phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí chị B nộp trước tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000325 ngày 17/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết công khai.

**\* Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Phú Yên(1)
- VKSND TX. Sông Cầu (2)
- THADS TX. Sông Cầu (1)
- Các đương sự (2)
- UBND xã Xuân Cảnh, TX. Sông Cầu(giấy CNKH số 02, quyền số 01/2013 ngày 24/01/2013)
- Lưu hồ sơ (2);
- Án Văn (2).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Trần Thị Ngọc Hà**